

CÔNG AN TỈNH BR-VT  
PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2025 /PX01-Đ1

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 11 năm 2024

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 683  
ĐẾN Ngày: 18/11/2024  
Chuyên:  
Lưu hồ sơ số:

V/v. thẩm tra, xác minh văn bằng

Kính gửi: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

Để thực hiện công tác cán bộ và đảm bảo tính chính xác các văn bằng của cán bộ chiến sĩ đang công tác tại Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Phòng Tổ chức cán bộ kính đề nghị Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp thẩm tra, xác minh Bằng Cao đẳng, ngành Công nghệ ô tô do đơn vị cấp đối với đồng chí:

Họ và tên: Nguyễn Mậu Ngọc Hải, sinh ngày: 12/8/2000;

Năm cấp bằng: 14/4/2022;

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình.

(Gửi kèm văn bằng có liên quan)

Kính đề nghị đơn vị quan tâm hỗ trợ và có văn bản phản hồi sớm về Phòng Tổ chức cán bộ để thuận tiện trong công tác.

Kết quả xin gửi về Phòng Tổ chức cán bộ, Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Địa chỉ: Số 15, Trường Chinh, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Thông tin cần trao đổi, liên hệ đồng chí Đại úy Đặng Thị Nga, số điện thoại: 0967.694.567)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PX01.



Thượng tá Mai Trung Quân

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

RECTOR  
LY TU TRONG COLLEGE OF HO CHI MINH CITY

has conferred  
ADVANCED DIPLOMA  
LEVEL 5 OF VQF

Automobile production engineering

Upon: Mr. Nguyen Mau Ngoc Hai

Date of birth: 12 August 2000

Graduation grade: Ordinary

Mode of study: Full-time



Ho Chi Minh City, 14 April 2022

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 2842 Quyền số 01 CT/BS

Ngày 14 tháng 5 năm 2022

CÔNG CHỨNG VIÊN



Reg. No: 000095/18C1-2022



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TU TRONG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

cấp  
BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG  
DANH HIỆU KỸ SƯ THỰC HÀNH

Công nghệ ô tô

Cho: Nguyễn Mậu Ngọc Hải Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/8/2000

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Chính quy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2022



Số hiệu: CD03504

TS. Phạm Hữu Lộc

Trần Thị Mỹ Lệ  
Số và số cấp bằng: 000095/18C1-2022

BẢNG ĐIỂM

Họ và tên: NGUYỄN MẠU NGỌC HẢI  
Ngày sinh: 12/08/2000  
Khóa học: 2018-2021  
Lớp học: 18C1-CNÔ4  
Mã SV: 18003714

Ngành: Công nghệ ô tô  
Chuyên ngành: Công nghệ ô tô  
Trình độ đào tạo: Cao đẳng  
Loại hình đào tạo: Chính quy

| TT | Mã HP  | Tên học phần                                           | Số TC | Điểm HP |          |        |
|----|--------|--------------------------------------------------------|-------|---------|----------|--------|
|    |        |                                                        |       | Điểm 10 | Điểm chữ | Điểm 4 |
| 1  | 000962 | Động cơ đốt trong                                      | 4     | 4.0     | D        | 1.0    |
| 3  | 001196 | Kỹ năng mềm                                            | 3     | 9.4     | A        | 4.0    |
| 5  | 000960 | Thực hành Hàn cơ bản                                   | 1     | 4.0     | D        | 1.0    |
| 7  | 000959 | Thực hành Nguội cơ bản                                 | 1     | 7.0     | B        | 3.0    |
| 9  | 000953 | Chính trị                                              | 6     | 5.9     | C        | 2.0    |
| 11 | 000954 | Giáo dục thể chất                                      | 2     | 8.3     | B        | 3.0    |
| 13 | 001474 | Thực hành động cơ xăng                                 | 3     | 6.8     | C        | 2.0    |
| 15 | 001476 | Đồ án học phần 1                                       | 1     | 7.5     | B        | 3.0    |
| 17 | 001475 | Lý thuyết gầm ô tô                                     | 4     | 5.1     | D        | 1.0    |
| 19 | 001978 | Thực hành hệ thống truyền lực trên Ô tô                | 2     | 5.5     | C        | 2.0    |
| 21 | 000024 | Cơ lý thuyết                                           | 2     | 4.1     | D        | 1.0    |
| 23 | 001940 | Anh văn 2                                              | 3     | 6.4     | C        | 2.0    |
| 25 | 001481 | Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại                      | 2     | 6.4     | C        | 2.0    |
| 27 | 002024 | Phần mềm chuẩn đoán kỹ thuật ô tô                      | 2     | 6.7     | C        | 2.0    |
| 29 | 000135 | Quản lý dịch vụ ô tô                                   | 2     | 7.0     | B        | 3.0    |
| 31 | 000164 | Thực hành Điện ô tô 2                                  | 2     | 6.0     | C        | 2.0    |
| 33 | 001979 | Thực hành hệ thống điều khiển và chuyển động trên ô tô | 2     | 7.3     | B        | 3.0    |
| 35 | 001480 | Thực tập tốt nghiệp                                    | 6     | 9.5     | A        | 4.0    |
| 2  | 000769 | Dung sai - Kỹ thuật đo                                 | 2     | 4.2     | D        | 1.0    |
| 4  | 001323 | Thực hành Động cơ cơ bản                               | 3     | 5.1     | D        | 1.0    |
| 6  | 000174 | Thực hành Kỹ thuật lái xe                              | 1     | 6.5     | C        | 2.0    |
| 8  | 000948 | Vẽ kỹ thuật                                            | 3     | 4.0     | D        | 1.0    |
| 10 | 000938 | Giáo dục quốc phòng - An ninh                          | 4     | 8.5     | A        | 4.0    |
| 12 | 001329 | Thực hành Đồng - Sơn Ô tô                              | 1     | 7.0     | B        | 3.0    |
| 14 | 001939 | Anh văn 1                                              | 3     | 4.4     | D        | 1.0    |
| 16 | 001473 | Hệ thống điện và điện tử ô tô                          | 4     | 5.9     | C        | 2.0    |
| 18 | 000163 | Thực hành Điện ô tô 1                                  | 2     | 6.5     | C        | 2.0    |
| 20 | 001199 | Tin học                                                | 4     | 6.2     | C        | 2.0    |
| 22 | 000141 | Sức bền vật liệu                                       | 2     | 5.4     | D        | 1.0    |
| 24 | 002221 | Đồ án môn học 2                                        | 1     | 7.0     | B        | 3.0    |
| 26 | 000069 | Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường                    | 2     | 5.8     | C        | 2.0    |
| 28 | 001402 | Pháp luật                                              | 2     | 6.3     | C        | 2.0    |
| 30 | 001980 | Thực hành điện lạnh ô tô                               | 1     | 6.0     | C        | 2.0    |
| 32 | 001477 | Thực hành động cơ Diesel                               | 2     | 5.0     | D        | 1.0    |
| 34 | 001472 | Nguyên lý - Chi tiết máy                               | 3     | 4.0     | D        | 1.0    |
| 36 | 000961 | Kỹ thuật điện - điện tử                                | 2     | 6.2     | C        | 2.0    |

Số tín chỉ tích lũy:

71

Điểm trung bình chung học tập toàn khóa:

5.94

Điểm trung bình chung tích lũy:

5.94

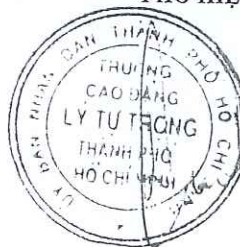
Xếp loại tốt nghiệp:

Trung bình

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 06 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 62.M...quyển số 6/.....SCT/BS

Ngày 08-10-2024



Nguyễn Văn Minh